

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỤC NGẠN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 09 tháng 9 năm 2020  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Lê Văn Khiết.

***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông Trần Đăng Thanh  
2. Ông Tạ Văn Doanh

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Đức Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 09/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 143/2020/TLST-HNGĐ ngày 07/5/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 13/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2020/QĐ-HNGĐ ngày 30/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thân Thị H, sinh năm 1999. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn Phúc Hòa, xã Đồng Cốc, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Hộ khẩu TT: Phúc Hòa, xã Đồng Cốc, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Thân Thị H trình bày:***

Chị kết hôn với anh Nguyễn Minh T từ năm 2017 (Dương lịch), trước khi kết hôn chúng tôi có được tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng Cốc. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 11/2019, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh T hay cơ bực về hay đánh đập chị, chị đã khuyên bảo nhiều nhưng vợ chồng không thể có tiếng nói chung. Chị đã sống ly thân với anh T từ tháng 11/2019 đến nay không còn quan T với nhau nữa. Nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng,

cuộc sống chung không thể kéo dài, chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Thùy C, sinh ngày 14/3/2018. Hiện nay đang ở với anh T. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H xác định không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 10/8/2020, bị đơn là anh Nguyễn Minh T trình bày như sau:*

Anh kết hôn với chị Thân Thị H từ năm 2017 (Dương lịch), trước khi kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng Cốc. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 11/2019, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tôi hay cơ bạc về hay dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau, đánh nhau. Anh đã sống ly thân với chị H từ tháng 11/2019 đến nay không còn quan T với nhau nữa.

Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, chị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn anh không nhất trí.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Thùy C, sinh ngày 14/3/2018. Hiện nay đang ở với tôi. Ly hôn, anh T có nguyện vọng được nuôi con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh T đang làm công nhân tại Công ty Goktech địa chỉ Khu Công nghiệp Quế Võ, Bắc Ninh, thu nhập mỗi tháng 07 triệu đồng.

Về tài sản chung, công nợ chung; Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng hòa giải không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm đã trình bày, bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thân Thị H.

+ Chị Thân Thị H được ly hôn anh Nguyễn Minh T.

+ Về con chung: Giao cho chị Thân Thị H được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thị Thùy C, sinh ngày 14/3/2018. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị H thì thấy đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con chung. Các đương sự đều cư trú tại huyện Lục Ngạn. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thân Thị H và anh Nguyễn Minh T kết hôn với nhau vào năm 2017 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Cốc, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của chị H thì cuộc sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau trong việc phát triển kinh tế gia đình, anh T không thường xuyên chăm lo cho cuộc sống gia đình nên từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và ly thân. Chị H xác nhận không còn tình cảm vợ chồng với anh T nữa vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết ch chị được ly hôn với anh T. Mặt khác, dù đã được triệu tập nhiều lần nhưng anh Mạnh đều

không lên Toà án làm việc, điều đó chứng tỏ anh Mạnh cũng không còn muốn níu giữ quan hệ hôn nhân với chị H. Có thể thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử cho chị H được ly hôn anh T.

[2.2] Về nuôi con chung: Cháu Nguyễn Thị Thùy C, sinh ngày 14/3/2018 là con chung của chị H và anh T. Hiện nay cháu C đang sống cùng anh T, anh T và chị H đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Qua quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy chị H đang đi làm công nhân, có thu nhập ổn định. Hơn nữa, hiện nay cháu Thùy C chưa đủ 36 tháng tuổi nên về nguyên tắc cần giao con chung cho chị Hạnh nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thân Thị H được ly hôn anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Buộc anh Nguyễn Minh T phải giao con chung là cháu Nguyễn Thị Thùy C, sinh ngày 14/3/2018 cho chị Thân Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Minh T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Chị Thân Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại C cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai số AA/2019/0001 ngày 07/5/2020. Xác nhận chị H đã thi hành xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND H. Lục Ngạn;
- CCTHADS H. Lục Ngạn;
- UBND xã Tân Quang;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Khiết**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Văn Doanh - Phạm Công Chấn**

**Lê Văn Khiết**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND H. Lục Ngạn;
- CCTHADS H. Lục Ngạn;
- UBND thị trấn Chũ;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Khiết**